

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thúy A, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị A, anh P và bà M có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thúy A trình bày: Chị và anh P cưới nhau năm 2005, hôn nhân do mai mối và chị cũng đồng ý lấy anh P làm chồng, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2019 anh P tự bỏ nhà đi nên không còn sống chung với nhau, không biết vì lý do gì. Anh P quan hệ bất chính với người khác, tuy không trực tiếp biết. Khi anh P có về nhà thì vợ chồng cự cãi và có đánh nhau, sau khi Tòa án làm việc thì cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh P không ở nhà để nói chuyện hàn gắn tình cảm, vì

vậy không thể hạnh phúc được. Nay chị Lê Thúy A yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn P, vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 01 con chung tên: Phạm Lê H, sinh ngày 24/4/2006, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn anh Phạm Văn P trình bày: Năm 2005, anh và chị A cưới nhau, hôn nhân do mai mối và anh cũng đồng ý lấy chị A làm vợ, không ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cãi nhau nhiều vì chị A nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người khác và nói anh thường xuyên nhậu, nhưng quan hệ bất chính với người khác thì không có, chỉ có nhậu thì anh có, nay chị Lê Thúy A yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Về con chung: Có 01 con chung tên: Phạm Lê H, sinh ngày 24/4/2006, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh thống nhất giao con chung cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai của người làm chứng Bùi Thị M trình bày: Bà là mẹ ruột của Phạm Văn P, theo bà biết giữa P và Thúy A đã bất đồng quan điểm do P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, A và P có cự cãi nhau nhiều và có đánh nhau, khi Tòa án làm việc thì bà biết Tòa án cho A và P đoàn tụ nhưng P không biết đi đâu, chỉ về nhà được 1-2 lần rồi lại bỏ nhà đi tiếp, P không có ý kiến gì để đoàn tụ với vợ con. Nay Thúy A yêu cầu ly hôn thì quan điểm của bà nên chấp nhận cho Thúy A ly hôn để Thúy A tự lo cho cuộc sống, về sau không ảnh hưởng gì nhau.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thúy A; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thúy A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn P và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Phạm Văn P cư trú tại ấp Phú Lợi B, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Chị A và anh P cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/9/2006 phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong lời trình bày thì anh P

có thừa nhận anh hay nhậu, không thừa nhận việc quan hệ bất chính với người khác nhưng trong lời trình bày của người làm chứng Bùi Thị M là mẹ ruột anh P có thừa nhận anh P quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có mặt ở nhà để đoàn tụ với vợ con và có trình bày vợ chồng anh P và chị A có đánh nhau trong khi cãi nhau, bà M thống nhất cho chị Thúy A ly hôn với anh P. Từ các phân tích trên đã có đủ căn cứ chứng minh hôn nhân giữa chị Lê Thúy A và anh Phạm Văn P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thúy A là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Lê Thúy A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phạm Lê H, sinh ngày 24/4/2006 là có cơ sở chấp nhận vì: Nguyên vọng của con chung muốn sống cùng mẹ, anh P cũng đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng khi Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về cấp dưỡng: Chị A đã được giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chị A vẫn tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

2.4. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị An và anh P đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về M thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4.1. Chị Lê Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0001490 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thúy A không phải nộp thêm.

4.2. Anh Phạm Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về M thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thúy A. Cho chị Lê Thúy A ly hôn với anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Lê H, sinh ngày 24/4/2006 cho chị Lê Thúy A được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn P không phải cấp dưỡng

nuôi con do chị Lê Thúy A tự nguyện không yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

3.1 Chị Lê Thúy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0001490 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị Lê Thúy A không phải nộp thêm.

3.2 Anh Phạm Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc